

QUAN ÂM THỊ KÍNH

III - LIÊN HỆ

Án hại chồng - một cái án phũ phàng, tàn bạo, trớ trêu. Nó buộc tội tình thương yêu và đức hạnh. Người chịu án, nạn nhân của án là người thương chồng hết mực. Thị Kính - vai nữ chính - có đủ đức hạnh của người vợ. Một người vợ "nữ tắc nữ công" khéo léo, một người vợ dịu hiền, thủy mị, đoan trang.

Cảnh Thiện Sĩ đọc sách, Thị Kính ngồi bên, kim chỉ vá may là cảnh sinh hoạt gia đình, vợ chồng ấm cúng, tuy chưa thật phổ biến và gần gũi với nhân dân như cảnh "thiếp nón, chàng toi", "chồng cày vợ cấy", nhưng cũng là ước mơ về hạnh phúc gia đình của nhân dân. Khung cảnh đó cũng đẹp như đôi chim thư và cứu kê "quan, quan" ngoài bến sông, như người con gái xinh đẹp sánh đôi cùng quân tử trong bài học của Thiện Sĩ. Trong khung cảnh ấy, hình bóng người vợ thương chồng nổi bật lên. Những cử chỉ của Thị Kính đối với chồng thật ân cần, dịu dàng, đáng yêu : khi chồng ngủ, dọn lại kỉ rồi quạt cho chồng, thấy râu mọc ngược dưới cằm chồng thì băn khoăn lo lắng về sự dị hình chẳng lành.

Thị Kính (nói sử) :

*Đạo vợ chồng trăm năm kết tóc,
Trước đẹp mặt chồng, sau đẹp mặt ta.
Râu làm sao một chiếc trời ra ?
Dị hình sắc dưới cằm mọc ngược
Khi chàng thức giấc biết làm sao được
Nay đang cơn giấc ngủ mơ màng,
Dạ thương chồng, lòng thiếp sao an
Áu dao bén, thiếp xén tày một mực.*

Nếu trong lớp "Vu quy", làn điệu sử bằng được dùng để tả một nét chủ đạo trong tính cách của Thị Kính là hiếu thảo, nét na lúc còn là con gái ở nhà với cha mẹ, thì ở đây, làn điệu nói sử đã bổ sung thêm nét tính cách cho nhân vật : ân cần, hiền dịu với chồng. Lời văn cùng với nét độc đáo của làn điệu đã làm cho lớp trò này đậm đà chất trữ tình. Tâm lòng yêu thương và những suy nghĩ chân thành của Thị Kính biểu hiện qua hành động và những lời nói đằm thắm. Thị Kính là người vợ vì chồng. Lời nói sử - độc thoại trên là những suy nghĩ chân thật, kín đáo về tình cảm vợ chồng. Một tình cảm tự nhiên, một cử chỉ tự nhiên, cử chỉ ấy là của tấm lòng ấy.

Ngờ đâu tấm lòng thương yêu và cử chỉ đáng quý kia lại là đầu mối của tai họa, của oan khiên. Một con người đức hạnh như thế, dưới chế độ phong kiến, cũng không được yên thân. Muốn sống ở đời để săn sóc, chăm chút cho chồng, yêu chồng tha thiết thì bị kết án là giết chồng. Nghịch cảnh nảy sinh ở chỗ : một con người đang ở đầu mút bên này của đạo đức bị đẩy sang đầu mút vô đạo đức phía bên kia. Chưa hết ! Sau này, khi làm chú tiểu chân tu, từ bi, con người ấy, vẫn con người ấy, lại bị kết thêm cái án tày trời nữa. Hai cái án oan khuất đan chéo trên thân phận một con người. Hai cái án như là hai gọng kìm không thể gỡ ra được. Cái án thứ nhất biểu hiện tập trung tình cảnh người phụ nữ trong gia đình phong kiến. Cái án thứ hai biểu hiện tập trung tình cảnh người phụ nữ trong xã hội phong kiến. Gia đình và xã hội phong kiến cùng xúm vào dày đoạ người phụ nữ.

Lớp trò về khung cảnh vợ chồng Thị Kính sống đầm ấm, hạnh phúc được dung lên như đề tương phản với lớp trò tiếp sau đó.

Ở đoạn trích Nỗi oan hại chồng, Sùng bà xuất hiện không chỉ như một mẹ chồng ác nghiệt mà còn như một kẻ đại diện cho tầng lớp trên của xã hội phong kiến trong gia đình. Hành động của mu thật ghê gớm, thô bạo. Chưa nghe phải trái đã bù lu bù loa. Mụ bắt khoan bắt nhặt Thị Kính đủ điều : "dúi đầu Thị Kính xuống", "bắt Thị Kính ngửa mặt lên". Hãy xem kẻ tự xưng là

"giống phượng, giống công" ăn nói. Những lời lẽ mắng nhiếc, xỉ vả Thị Kính (con này, mày, tao, cái con mặt sứa gan lim, chém bỏ bả vằm,...) là ngôn ngữ "giống phượng, giống công" của mẹ (!). Đường như mỗi lần mẹ cất lời, Thị Kính lại thêm một tội. Mẹ trút cho Thị Kính đủ tội : tội giết chồng, tội "say hoa đắm nguyệt", "dưới bệ trên đầu". Tất cả những gì là xấu xa nhất, mẹ đều đổ vạ cho Thị Kính [...]. Sùng bà chỉ ra trò trong một lớp, nhưng rất tiêu biểu cho một loại vai trong chèo cổ : vai mẹ ác (tính cách của loại vai này là hờn của, khoe dòng giống, cả vú lấp miệng em,...). Sùng bà lấy mình làm chuẩn để tỏ rõ phép nhà. Mẹ là kẻ tạo ra "luật" và "lệ" trong gia đình.

Trước tai ương bất ngờ ập đến, Thị Kính chỉ còn biết kêu oan và van xin. Nội dung lời nói chỉ là một chữ oan. Chi tiết này, trò có khác truyện. Truyện để cho Thị Kính được giải bày ngọn ngành sự việc. Trò không cho Thị Kính được nói rõ nỗi oan mà chỉ mới kêu oan đã bị Sùng bà mắng át đi. Đây là sự sáng tạo độc đáo của trò diễn trong chèo, tô đậm thêm nỗi khổ đau và nghịch cảnh éo le của nhân vật.

Năm lần Thị Kính kêu oan. Trong năm lần ấy thì bốn lần tiếng kêu oan hướng về mẹ chồng và chồng.

Lần thứ nhất kêu oan với mẹ chồng :

"Giời ơi, oan con lắm, mẹ ơi !"

Lần thứ hai, vẫn với mẹ chồng :

"Oan cho con lắm mẹ ơi !"

Lần thứ ba, kêu oan với chồng :

"Oan cho thiếp lắm chàng ơi !"

Lần thứ tư, một lần nữa, lại kêu oan van xin mẹ chồng :

"Mẹ xét tình cho con, oan con lắm mẹ ơi !"

Bốn lần than khóc và van xin. Trông cậy chồng ư ? Vô ích. Thiện Sĩ đón hèn và nhu nhược. Thiện Sĩ có phần giống Thúc Sinh trong màn Hoạn Thư đánh ghen (Truyện Kiều - Nguyễn Du). Nhưng ở Thúc Sinh ta còn gặp một thái độ :

Sinh càng nát ruột tan hồn,

Chén mời phải ngậm bỏ hồn ráo ngay.

Còn Thiện Sĩ thì hoàn toàn bỏ mặc người vợ đã từng thương yêu, chăm chút, gắn bó với mình, cho mẹ hành hạ. Lúc này, y chỉ là một nhân vật thừa trên sân khấu.

Mong mỗi Sùng bà xét tình ư ? Lời van xin đầm nước mắt của Thị Kính chỉ là thứ lừa đồ thêm dầu làm bùng thêm lên những lời đay nghiến vô lí, tàn nhẫn. Thị Kính càng kêu oan, nỗi oan càng dày. Giữa gia đình chồng, người phụ nữ đức hạnh ấy hoàn toàn cô độc.

Chỉ đến lần cuối cùng, lần thứ năm, kêu oan với cha (Mãng ông), Thị Kính mới nhận được một sự cảm thông. Nhưng đó là sự cảm thông đau khổ và bất lực.

"Mãng ông:

Oan cho con lắm à ?

(sử râu rồi vẫn) :

Con ơi ! Dù oan dù nhẫn chẳng oan

Xa xôi cha biết nói con như ông nào !"

Kết cục của nỗi oan là mối tình chồng vợ Thị Kính - Thiện Sĩ tan vỡ ! Thị Kính bị đuổi ra khỏi nhà chồng.

Trước khi đuổi Thị Kính, Sùng bà và Sùng ông còn lập ra một vở kịch tàn ác : lừa Mãng ông sang ăn cỗ cháu, kì thực là bắt Mãng ông sang nhận con về. Chúng có thú vui là làm điều ác, có thú vui làm cho cha con Mãng ông phải nhục nhã ê chề. Hơn thế nữa, nhanh như trở bàn tay, Sùng ông đã thay quan hệ thông gia bằng những hành động vũ phu :

Mãng ông:

Ông ơi ! Ông cho tôi biết đầu đuôi câu chuyện với, ông ơi !

Sùng ông:

Biết này !

(Sùng ông cúi ngả Mãng ông rồi bỏ vào. Thị Kính vội chạy lại đỡ cha. Hai cha con ôm nhau than khóc)".

Thị Kính như bị đẩy vào chỗ cực điểm của nỗi đau : nỗi đau oan ức, nỗi đau tình chồng vợ tan vỡ, và giờ lại thêm nỗi đau trước cảnh cha già thân yếu, người mà bấy lâu Thị Kính mong được báo đền công dưỡng đưc bị chính cha chồng khinh khi, hành hạ.

Trên sân khấu chỉ còn lại hai cha con Thị Kính lẻ loi. Hình ảnh hai cha con ôm nhau than khóc là hình ảnh của những người oan khuất, khổ đau mà hoàn toàn bất lực. cảnh Sùng bà quy kết, đổ vạ cho Thị Kính diễn ra chóng vánh, dồn dập. Còn cảnh hai cha con Thị Kính ôm nhau than khóc thì kéo dài trên sân khấu. Sự bố trí xô đẩy, dồn dập và kéo dài những tình tiết kịch của sân khấu dân gian ở đây, mang đầy ý nghĩa.

Hay chú ý những cử chỉ của Thị Kính trước khi ra khỏi nhà Thiện Sĩ.

(Thị Kính dẫn cha đi một quãng. Mãng ông quay lại) về cùng cha con ơi ! (Thị Kính đi theo cha mấy bước nữa, rồi dừng lại và thở than, quay vào nhìn từ cái ki đến sách, thúng khâu, rồi cầm lấy chiếc áo đang khâu dở/ bóp chặt trong tay).

Chao ôi ! Tất cả vừa mới đây thôi ! Chiếc ki kia ! Quyển sách kia ! Và chiếc áo đang khâu dở này ! Tất cả còn đây, dấu vết của tình vợ thủy chung, hiền dịu. Tất cả còn đây, làm chứng. Vừa mới đây thôi, vậy mà đảo lộn tất cả rồi. Dấu vết của tình vợ thương chồng bị coi, bị sử dụng như là dấu vết của sự thất tiết. Một sự đảo lộn đột ngột và ghê gớm, vượt khỏi sức hình dung của con người.

Nỗi lòng Thị Kính trước khi gửi vào màu áo tu hành và tiếng mõ tụng kinh đều đều, buồn bã, nhẫn nại, toàn run rẩy những nỗi đau. Điều sử rầu, nói thảm Thị Kính hát, nghẹn ngào nước mắt. Những điệu hát ấy chứa đựng lời độc bạch trước bước ngoặt cuộc đời. Độc bạch những giằng xé nội tâm :

Thương ôi ! Bấy lâu sắt cầm tịnh hảo

Bỗng ai làm chẵn gối lẻ loi.

"Bấy lâu", và "bỗng", "sắt cầm tịnh hảo" và "chẵn gối lẻ loi". Một bên là thời gian dài lâu của kỉ niệm hạnh phúc, bên kia là khoảnh khắc chớp nhoáng của sự tan vỡ, một bên là hình ảnh của tình vợ chồng hòa hợp, bên kia là hình ảnh chia lìa. Những đối lập bi kịch ! Nỗi niềm này, cơ cực ấy như rã rời gục xuống trong tiếng hát sử rầu :

Trách lòng ai nữ phụ lòng

Đang tay nữ bẻ phím đồng lâm đôi.

Về cùng cha ư ? Đường về quê cha mẹ không phải là cảnh "trước rừng, sau truông" nhưng là cảnh dè bủ, mĩa mai của miệng thế chưa hiểu sự tình, chưa tỏ nguồn cơn. Lời "độc bạch" của nhân vật gợi lên rất rõ hình ảnh một con người đang bơ vơ trước cái vô định của cuộc đời, đang "đối cảnh" trước những hồi ức, những nỗi đau và đang đứng trước một cuộc lựa chọn giằng xé : về đâu ? Đời người phụ nữ, thời phong kiến, "Lênh đênh chiếc bách giữa dòng".

Cảnh cuối cùng của trích đoạn Nỗi oan hại chồng : Thị Kính lạy cha lạy mẹ, rồi chít áo cài khuy, giả trai, bước vào cửa Phật. Trong sự đau khổ, bất lực, con đường giải thoát của Thị Kính có hai mặt. Mặt tích cực là ước muốn mong được sống ở đời để tỏ rõ là người đoan chính. Mặt tiêu cực là cho rằng mình khổ do số kiếp, do "phận hẩm duyên ôi", tìm vào cửa Phật để tu tâm. Thị Kính thiếu cái khoẻ khoắn, lạc quan của những người vợ cảm tằm trong ca dao, thiếu cái bản lĩnh dũng cảm của Thị Phương trong chèo Trương Viên, không có nghị lực cứng cỏi

đứng lên hành động chống lại những oan trái bất công. Người phụ nữ này chưa đủ sức, chưa đủ bản lĩnh đứng lên trên, vượt lên trên hoàn cảnh, trái lại đã khuất phục hoàn cảnh, cam chịu hoàn cảnh bằng sự chịu đựng nhẫn nhục. Hành động đấu tranh của Thị Kính mới chỉ dừng lại ở những lời trách móc số phận và mới chỉ dừng lại ở ước muốn "nhật nguyệt sáng soi" - một ước muốn thụ động.

Vở chèo Quan Âm Thị Kính được xây dựng trên cơ sở khai thác tích Phật. Nhưng trong vở chèo này, Thị Kính, trước hết là hình tượng hiện thực về thân phận người phụ nữ. Trên sân khấu chèo, ngay con đường Thị Kính tìm về cửa Phật cũng không phải xuất phát từ một sự tự giác lĩnh hội giáo lý nhà Phật, mà chỉ là kết quả của một đời người muốn tìm hạnh phúc nhưng thất bại. Nhưng nếu phủ nhận ảnh hưởng dấu vết của triết lý nhà Phật ở hình tượng thì không đúng. Hình tượng Thị Kính thể hiện ước muốn tiêu diệt mọi nỗi khổ ngàn kiếp mà không còn cách nào khác hơn là tìm về đạo Phật, tìm cách sống nhẫn nhục, từ bi, bác ái. Nó cũng phản ánh "những ước mơ hạnh phúc chính đáng bị biến thành ảo tưởng tôn giáo của phụ nữ nông dân Việt Nam", những người khao khát tự giải phóng ra khỏi chế độ phụ quyền phong kiến mà chưa tìm được con đường đúng đắn.

Từ trích đoạn Nói oan hại chồng, chúng ta thấy được sự đối lập giai cấp gay gắt thông qua xung đột gia đình, hôn nhân. Phẩm chất đẹp đẽ, nỗi oan khuất bi thảm của người phụ nữ là chủ đề của trích đoạn. Nỗi oan hại chồng đã lấy người phụ nữ bị áp bức làm chủ thể trong mối quan hệ gia đình để lý giải các vấn đề đặt ra đối với xã hội đương thời. Giá trị dân chủ, nhân đạo và tố cáo của trích đoạn xuyên suốt toàn bộ các nhân vật và tiến trình hành động kịch. Trong gia đình và xã hội phong kiến, người phụ nữ luôn phải chịu đựng

khổ đau. Con đường giải thoát của họ có lúc là sự im lặng, nhẫn nhục, chờ mong sự giai thoát ở một cõi đời khác. Trích đoạn Mối oan hải chồng và toàn bộ vở chèo chưa vạch ra một con đường đấu tranh đúng đắn cho nhân vật. Đấu tranh với những oan trái, bất công bằng sự nhẫn nhục và tu tâm chỉ khiến con người chịu tiếp khổ đau. Bởi vì hạnh phúc không thể tìm thấy bằng sự nhẫn nhục, im lặng, băng cửa Phật mà chỉ có thể tìm thấy trong những hành động đấu tranh tích cực mà thôi".